

Số: 72/2025/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 457/TTr-SXD ngày 15 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Công an tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2025.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh Vĩnh Long;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Trung tâm Thông tin điều hành (đăng công báo);
- Các cơ quan Báo, Đài tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT,179.KTNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển
hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật
trong đô thị trên địa bàn tỉnh**

*(Kèm theo Quyết định số 72/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị, vận chuyển hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh.

2. Quy định này không áp dụng đối với các xe ưu tiên được quy định tại Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 và trong các trường hợp khẩn cấp, cứu nạn, cứu hộ, để khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Yêu cầu chung đối với đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận tải trong đô thị

1. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải: Có Giấy phép kinh doanh vận tải do Sở Xây dựng cấp nhưng không bị thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải do vi phạm các quy định của pháp luật.

2. Hoạt động vận tải đường bộ phải đảm bảo quy định tại Điều 56 Luật Đường bộ năm 2024. Các hoạt động dừng, đỗ, đón trả hành khách, xếp dỡ hàng hóa phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, tuân thủ các quy định tại Điều 18 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

3. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện và quy định như sau:

a) Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

b) Còn niên hạn sử dụng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới; bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định

tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

c) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị theo quy định tại Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

d) Phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải được Sở Xây dựng cấp biển hiệu, phù hiệu theo quy định hiện hành, phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải của phương tiện đang hoạt động; biển hiệu, phù hiệu phải còn giá trị theo thời hạn và không bị thu hồi, không quá thời hạn so với niên hạn sử dụng của phương tiện theo quy định.

Chương II

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ

Điều 4. Hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô

1. Các hoạt động vận tải hành khách phải tuân thủ theo quy định tại Điều 57 Luật Đường bộ năm 2024 và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với phương tiện theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

2. Xe buýt, xe ô tô khách phải hoạt động đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định. Xe buýt, xe ô tô khách có dụng cụ để gom rác thải của hành khách đi trên xe và chuyển đến vị trí quy định, không được để hành khách đi trên xe bỏ rác thải ra ngoài làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường đô thị.

3. Các điểm dừng đón, trả khách của xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định thực hiện theo Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các điểm dừng đón, trả khách xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt bổ sung các điểm dừng đón, trả khách xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

4. Phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp có thay đổi về tuyến đường thì đơn vị vận tải phải chủ động đề xuất với Sở Xây dựng để có phương án điều chỉnh lộ trình tuyến cho phù hợp.

5. Vận tải hành khách bằng xe trung chuyển thực hiện theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định về quản lý hoạt động của xe ô tô vận tải trung chuyển hành khách trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Xe trung chuyển chỉ hoạt động trong phạm vi địa bàn tỉnh, không được sử dụng xe trung chuyển để hoạt động kinh doanh vận tải và phải chấp hành các quy định khác có liên quan.

Điều 5. Hoạt động vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo hợp đồng

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

2. Phương tiện kinh doanh vận tải khách du lịch, được ưu tiên bố trí nơi dừng đỗ thuận tiện để đón, trả khách du lịch, nhưng phải tuân thủ quy định của chính quyền địa phương theo phân cấp về tổ chức giao thông. Việc dừng đón trả khách du lịch tại các bến xe khách, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch được thực hiện theo quy định của tổ chức, đơn vị quản lý bến xe khách, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch đó.

3. Xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng

Hành khách được vận chuyển theo hợp đồng phải tập trung tại vị trí nhất định trong khi chờ xe đón khách, đồng thời phải giữ gìn an ninh trật tự xã hội và giữ vệ sinh chung; các điểm dừng, đỗ đón trả khách phải đảm bảo an toàn giao thông, đúng vị trí được phép dừng, đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận chuyển hành khách.

Điều 6. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

2. Xe taxi đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi đón, trả hành khách.

3. Điểm đỗ xe taxi thực hiện theo Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt các điểm đỗ xe Taxi công cộng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Điểm đỗ xe taxi phải đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trong đô thị và không gây ùn tắc giao thông; đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường. Trong thời gian chờ đón khách, các xe chỉ được đỗ tại các điểm đỗ xe theo quy định.

Điều 7. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 61 Luật Đường bộ năm 2024, Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

2. Xe chở hàng phải hoạt động đúng tuyến, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe. Hàng hóa trên xe phải xếp gọn gàng theo quy định tại Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

3. Trường hợp xe chở hàng hóa quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng trên

đường bộ mà cần thiết phải hoạt động trong đô thị thì phải có Giấy phép lưu hành xe còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 8. Thời gian và phạm vi hoạt động cụ thể cho một số loại xe

1. Ô tô chở khách theo hợp đồng, xe taxi, ô tô con, xe trung chuyển được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị.

2. Ô tô chở khách du lịch được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị không bị cấm hoạt động nhưng phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

3. Ô tô khách hoạt động theo tuyến cố định, ô tô buýt được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đã được công bố nhưng phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

4. Ô tô chở hàng hóa (bao gồm xe ô tô kinh doanh vận tải và xe ô tô chở hàng nội bộ) được phép hoạt động theo chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ, phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị của địa phương và phải đi đúng tuyến đường được quy định trong nội dung hợp đồng vận tải hàng hóa.

Chương III

PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ

Điều 9. Quy định về phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật phải có kết cấu để người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng theo quy định tại Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ và đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 82:2024/BGTVT.

2. Xe phải có tối thiểu 02 (hai) ghế ưu tiên cho người khuyết tật; có ít nhất 01 (một) chỗ dành cho xe lăn của người khuyết tật. Có trang thiết bị nâng hạ xe lăn hoặc thiết bị nâng hạ sàn xe phục vụ người khuyết tật; có ký hiệu đánh dấu ghế ưu tiên cho người khuyết tật.

Điều 10. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đầu tư các phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đăng ký tham gia khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, theo lộ trình như sau:

a) Từ năm 2025 đến hết năm 2030 phải có ít nhất 10% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

b) Từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 02% tỷ lệ

phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

c) Sau năm 2035, tối thiểu phải đạt 20% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

3. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt đăng ký để được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hoạt động sau ngày Quy định này có hiệu lực thì phải có ít nhất 01 phương tiện trở lên đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật đáp ứng quy định tại Điều 9 của Quy định này, sau đó phải tuân thủ lộ trình thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này. Riêng đối với những phương tiện đã tham gia vận tải khách công cộng trên địa bàn tỉnh, nếu xe không có thiết bị hỗ trợ thì nhân viên phục vụ có trách nhiệm giúp đỡ cho người khuyết tật lên xuống xe.

4. Đến đầu năm 2030, kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ xe buýt phải bảo đảm đủ điều kiện tiếp cận, sử dụng của người khuyết tật.

Chương IV

TỔ CHỨC THI HÀNH

Điều 11. Sở Xây dựng

1. Phối hợp với các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân các địa phương tuyên truyền, phổ biến các quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyên hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ đạo các doanh nghiệp khai thác vận tải hành khách công cộng (trước tiên vận tải hành khách bằng xe buýt) xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phục vụ người khuyết tật tiếp cận sử dụng. Xây dựng kế hoạch thực hiện việc cải tạo, đầu tư mới hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu phục vụ người khuyết tật.

3. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện Quy định này khi có yêu cầu. Kiến nghị, bổ sung, điều chỉnh các quy định để hoạt động vận tải phục vụ tốt nhu cầu đi lại, góp phần phát triển kinh tế xã hội các đô thị.

Điều 12. Công an tỉnh

1. Chỉ đạo các lực lượng thuộc phạm vi quản lý thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát để kịp thời phát hiện và xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra, xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông trong hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị theo quy định.

3. Phối hợp thông báo kết quả xử lý các trường hợp vi phạm của lái xe trong hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị trên địa bàn tỉnh về Sở Xây dựng.

Điều 13. Ủy ban nhân dân các địa phương

1. Tuyên truyền, phổ biến Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan đến các tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị tại địa phương.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức khảo sát và xác định các điểm dừng đón trả khách, nhà chờ xe buýt, điểm đỗ xe taxi công cộng tại địa phương. Phối hợp với các cơ quan chức năng rà soát, lắp đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ theo quy định đối với các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Hàng năm đánh giá tình hình hoạt động vận tải trong đô thị, kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) các nội dung liên quan cho phù hợp với điều kiện của địa phương (thông qua Sở Xây dựng).

Điều 14. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Vĩnh Long tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan trên các phương tiện thông tin đại chúng đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Thực hiện hoạt động vận tải theo đúng quy định của pháp luật. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa trong đô thị phải chấp hành nghiêm Quy định này và các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ.

2. Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý lái xe chấp hành đúng các quy định về lịch trình, hành trình và điểm dừng, đỗ khi hoạt động trong đô thị.

3. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải xây dựng kế hoạch thực hiện các quy định về phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật được quy định tại Chương III của Quy định này.

4. Các tổ chức kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ và dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi có trách nhiệm thực hiện kê khai giá theo hướng dẫn của Sở Xây dựng.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Quy định này có sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để kịp thời xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.